

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình số 40-CTr/TU ngày 16/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới

Thực hiện Chương trình số 40-CTr/TU ngày 16/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành Kế hoạch thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tập trung đầu tư phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học (CNSH) đáp ứng năng lực sản xuất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; góp phần thúc đẩy tăng trưởng, hướng tới mục tiêu phát triển một nền kinh tế xanh và bền vững.
- Triển khai ứng dụng rộng rãi, có hiệu quả CNSH vào sản xuất và đời sống, tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, y dược, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học.
- Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, tiếp cận nền tảng công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực CNSH.
- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp, người dân về nghiên cứu, ứng dụng CNSH, coi đây là công cụ hữu hiệu phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng CNSH bám sát các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; bảo đảm hiệu quả, thiết thực, gắn với các chương trình, kế hoạch, đề án của tỉnh và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.
- Tăng cường công tác quản lý nhà nước, nâng cao năng lực của các Trung tâm khoa học kỹ thuật, các phòng thí nghiệm, kiểm định, thử nghiệm về CNSH đáp ứng yêu cầu tiếp thu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh.
- Người đứng đầu các cấp, các ngành có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo công tác nghiên cứu, ứng dụng CNSH. Xác định rõ nội dung, nhiệm vụ và phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị để thực hiện Kế hoạch đạt kết quả cao.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Nâng cao vị trí, vai trò của phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

1.1. Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học nâng cao đời sống nhân dân.

- Nhiệm vụ: Xây dựng chuyên mục, chuyên trang, dành thời lượng thích hợp để tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các nội dung liên quan đến CNSH của tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đơn vị Phối hợp: Báo Hà Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

1.2. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện/thành phố trong việc triển khai nhiệm vụ phát triển công nghệ sinh học.

- Nhiệm vụ: Nghiên cứu bổ sung, tích hợp nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, lĩnh vực phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

- Thời gian thực hiện: Vào thời điểm xây dựng kế hoạch hàng năm.

- Đơn vị thực hiện: Các Sở, ngành; UBND các huyện/thành phố.

2. Ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống

2.1. Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn

2.1.1. Bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý hiếm bản địa của địa phương.

- Nhiệm vụ: Tiếp tục triển khai Đề án Khung bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh. Hàng năm rà soát, cập nhật bổ sung danh mục các nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với thực tiễn.

- Thời gian thực hiện: 2021-2025.

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đơn vị Phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế, UBND các huyện/thành phố.

2.1.2. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học để phục tráng, chọn tạo nhân nhanh các giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, nông hóa của từng vùng, địa phương.

- Nhiệm vụ: Triển khai thực hiện một số nhiệm vụ theo Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành Nông nghiệp đến năm 2030; triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chương trình, đề án, kế hoạch trong lĩnh vực nông nghiệp, trong đó ưu tiên nguồn lực cho phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học tạo lập, phục tráng các giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao.

- Thời gian thực hiện: 2021-2030.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị phối hợp: Các Sở ngành liên quan, UBND các huyện/thành phố, các tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp/HTX.

2.1.3. Hình thành các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn để thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ góp phần xây dựng nền nông nghiệp thông minh, an toàn, hiệu quả.

- Nhiệm vụ: Rà soát, quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa đối với các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh và địa phương, tập trung đầu tư ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ tạo ra các sản phẩm nông nghiệp xanh, sạch, an toàn...

- Thời gian thực hiện: 2023 - 2025.

- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đơn vị phối hợp: Các Sở, ngành, UBND các huyện/thành phố, các tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp/HTX.

2.2. Lĩnh vực công nghiệp

2.2.1. Ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ công nghiệp chế biến.

- Nhiệm vụ: Triển khai thực hiện một số nhiệm vụ theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030”.

- Thời gian thực hiện: 2021-2030.

- Đơn vị chủ trì: Sở Công thương.

- Đơn vị phối hợp: Các Sở, ngành, UBND các huyện/thành phố, các tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp/HTX.

2.2.2. Sản xuất và sử dụng năng lượng mới, năng lượng sạch, có khả năng tái tạo, thân thiện với môi trường.

- Nhiệm vụ: Ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ tái tạo năng lượng, thân thiện với môi trường phục vụ sản xuất.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

- Đơn vị chủ trì: Sở Công thương

- Đơn vị phối hợp: Các Sở ngành, UBND các huyện/thành phố, các tổ chức nghiên cứu, chuyển giao công nghệ.

2.2.3. Chế biến các sản phẩm nông nghiệp từ nguồn nguyên liệu của địa phương, tạo chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm bền vững;

- Nhiệm vụ: Hỗ trợ các doanh nghiệp/HTX ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp sinh học đến 2030 thông qua Chương trình khuyến công địa phương.

- Thời gian thực hiện: 2023-2030.

- Đơn vị Chủ trì: Sở Công thương

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ngành liên qua, các doanh nghiệp/HTX.

2.2.4. Nâng cao giá trị và thương hiệu các sản phẩm đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, các sản phẩm OCOP của tỉnh.

- Nhiệm vụ: Hỗ trợ các doanh nghiệp, địa phương nâng cao giá trị thương hiệu sản phẩm đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ, các sản phẩm OCOP của tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đơn vị phối hợp: Các Sở, ngành, UBND các huyện/thành phố, các doanh nghiệp/HTX.

2.3. Trong lĩnh vực y - dược

2.3.1. Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn và phát huy giá trị các bài thuốc dân gian, gia truyền đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nhiệm vụ: Khôi phục, phát huy giá trị các bài thuốc dân gian, gia truyền của các đồng bào dân tộc trên địa bàn tỉnh.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

- Đơn vị chủ trì: Sở Y tế.

- Đơn vị phối hợp: Sở Khoa học và Công nghệ, Hội Đông y, Bệnh viện Y học cổ truyền.

2.3.2. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất các loại thực phẩm chức năng, thuốc chữa bệnh từ các loại dược liệu của Hà Giang trên dây chuyền công nghệ đạt tiêu chuẩn thực hành tốt (GMP). Nghiên cứu sản xuất một số sản phẩm kháng khuẩn và làm đẹp từ vỏ quả chè Shan.

- Nhiệm vụ: Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất các loại thực phẩm chức năng, thuốc chữa bệnh từ các loại dược liệu của Hà Giang theo tiêu chuẩn GMP.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đơn vị phối hợp: Sở Y tế, UBND huyện Bắc Quang, doanh nghiệp.

2.3.3. Phát huy tiềm năng thế mạnh của tỉnh về đa dạng nguồn dược liệu, từng bước hình thành vùng nguyên liệu để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghiên cứu, sản xuất thuốc sinh học, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thảo dược.

- Nhiệm vụ: Xây dựng trung tâm bảo tồn và phát triển cây thuốc trên cơ sở đảm bảo tính khả thi, hiệu quả kinh tế, cải tạo đất, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Di thực dược liệu có giá trị; kết hợp hài hòa giữa bảo tồn nguyên vị (In-situ) và bảo tồn chuyển vị (Ex-situ) phục vụ cho nhu cầu học tập, nghiên cứu, du lịch, nghỉ dưỡng, cung ứng nguồn nguyên liệu làm thuốc.

- Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2030.

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đơn vị phối hợp: Các Sở, ngành; UBND huyện/thành phố.

2.4. Trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường

2.4.1. Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý rác thải từ sinh hoạt, sản xuất và rác thải y tế;

a. Nhiệm vụ 1: Ứng dụng các chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi tại các cơ sở chăn nuôi, rác thải sinh hoạt, rác thải tại các làng nghề.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.
- Đơn vị chủ trì: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Đơn vị phối hợp: Các Sở, ngành; UBND các huyện/thành phố

b. Nhiệm vụ 2: Ứng dụng các chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh

- Thời gian thực hiện: Hàng năm.
- Đơn vị chủ trì: Sở Y tế.
- Đơn vị phối hợp: Các Sở, ngành; UBND các huyện thành phố,

2.4.2. Sử dụng bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên góp phần xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Sản xuất nguyên liệu, vật liệu sinh học thân thiện môi trường.

- Nhiệm vụ: Hỗ trợ công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh và phân hữu cơ vi sinh từ chất thải chăn nuôi và phế phụ phẩm nông nghiệp trên cơ sở tiếp nhận công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp trong và ngoài tỉnh

- Thời gian thực hiện: 2023-2025.
- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.
- Đơn vị phối hợp: Các Sở, ngành; Ban QL Khu Kinh tế tỉnh; UBND huyện Vị Xuyên; doanh nghiệp KHCN.

3. Xây dựng nguồn nhân lực công nghệ sinh học, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNSH.

3.1. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghệ sinh học

- Nhiệm vụ: Đưa nội dung giáo dục, đào tạo về công nghệ sinh học trong các cơ sở giáo dục, các trường, trung tâm đào tạo nghề đảm bảo ứng dụng được các thành tựu công nghệ sinh học ở địa phương.

- Thời gian thực hiện: Hàng năm
- Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo

- Đơn vị phối hợp: Sở Nội vụ, Sở Lao động TB&XH; Trường Cao Đẳng Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh; Phân hiệu Đại học Thái nguyên tại Hà Giang; UBND các huyện/thành phố.

3.2. Đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học.

- Nhiệm vụ: Tăng cường đầu tư máy móc, thiết bị tiên tiến và từng bước hiện đại hóa phòng thí nghiệm CNSH, phòng nuôi cấy mô cho các Trung tâm KHKT của

tỉnh, nhằm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại vào sản xuất và đời sống.

- Thời gian thực hiện: 2024-2030

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ

- Đơn vị phối hợp: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, các sở ngành có liên quan.

- Các dự án: (1) Dự án đầu tư tăng cường tiềm lực cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn – đo lường- chất lượng, Trung tâm TT&CGCN mới (Sở Khoa học và Công nghệ); (2) Dự án đầu tư tăng cường tiềm lực cho các Trung tâm Giống cây trồng và Gia súc Phó Bảng, Trung tâm KHKT Giống cây trồng Đạo Đức, Trung tâm Thủy sản (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); (3) Dự án đầu tư tăng cường tiềm lực cho Trung tâm Quan trắc môi trường (Sở Tài nguyên và Môi trường); (4) Dự án đầu tư tăng cường tiềm lực cho các Trung tâm Kiểm nghiệm, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (Sở Y tế).

3.3. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, khuyến khích liên kết ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống giữa người dân, doanh nghiệp với các tổ chức nghiên cứu khoa học góp phần phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học có phạm vi, quy mô đủ lớn, có đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Thời gian thực hiện: hàng năm.

- Đơn vị chủ trì: Sở Khoa học và Công nghệ.

- Đơn vị Phối hợp: Các sở, ngành, UBND các huyện thành phố, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(có phụ lục nhiệm vụ kèm theo)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển CNSH

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy định, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và sản xuất các sản phẩm CNSH, bảo đảm phát triển hiệu quả, bền vững; các chính sách sử dụng và trọng dụng đối với đội ngũ cán bộ khoa học trẻ, có trình độ chuyên môn cao, nhà khoa học đầu ngành tham gia các hoạt động trong lĩnh vực CNSH.

- Thực thi có hiệu quả các chính sách ưu đãi của Trung ương, của tỉnh như: chính sách về thuế, đất đai, vay vốn, hỗ trợ chuyển giao, nhập khẩu công nghệ, phát triển thị trường công nghệ cho các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và phát triển CNSH, đặc biệt là các doanh nghiệp CNSH vừa và nhỏ, các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia đầu tư áp dụng CNSH; thành lập các doanh nghiệp công nghệ cao. Ưu tiên các dự án đầu tư xây dựng các khu, vùng nông nghiệp công nghệ cao. Hỗ trợ cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án đầu tư đổi mới công nghệ và ứng dụng CNSH vào sản xuất.

- Tạo lập thị trường thuận lợi, phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ CNSH. Khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, cá nhân mua, chuyển nhượng bản quyền

đối với những CNSH và thuê chuyên gia nước ngoài đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng CNSH vào sản xuất và đời sống

- Khuyến khích chuyển giao, tiếp nhận và nhập khẩu các công nghệ mới, có hiệu quả kinh tế cao; đưa nhanh và ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực CNSH vào sản xuất và đời sống.

- Nghiên cứu phát triển công nghệ mới về sinh học nhằm sản xuất giống cây trồng vật nuôi, thuốc chữa bệnh cho người, vật nuôi, cây trồng có chất lượng hiệu quả kinh tế cao.

- Đẩy mạnh việc thành lập và phát triển doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, khuyến khích hoạt động và đầu tư vào lĩnh vực chuyển giao công nghệ, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ các sản phẩm, hàng hóa do CNSH tạo ra. Những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNSH được hưởng những chính sách ưu đãi cao nhất theo quy định hiện hành của Nhà nước về vay vốn, thuế và quyền sử dụng đất v.v...

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực CNSH

- Đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về chuyên ngành CNSH đáp ứng nhu cầu theo các hình thức đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo nghề bảo đảm chất lượng. Chú trọng đào tạo chuyên gia trình độ cao (thạc sỹ, tiến sỹ), kỹ sư công nghệ, kỹ thuật viên và đào tạo theo nhóm nghiên cứu chuyên ngành CNSH.

- Liên kết với các Viện nghiên cứu, trường đại học để đầu tư, đào tạo, phát triển nhân lực lĩnh vực CNSH. Đưa đi đào tạo chuyên môn nhằm nâng cao trình độ năng lực cán bộ, công chức, viên chức để có thể tiếp nhận và chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ; tạo mọi điều kiện phát huy năng lực cán bộ, hình thành nên hệ thống chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ từ tỉnh đến cơ sở.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước tham gia đào tạo nguồn nhân lực cho CNSH của tỉnh. Khuyến khích việc du học tự túc bậc đại học và sau đại học về chuyên ngành CNSH.

4. Phát triển khoa học và công nghệ

- Xây dựng các mô hình trình diễn các kết quả về CNSH đến với người dân thông qua các đề tài, dự án khoa học và công nghệ các cấp; chương trình khuyến nông, khuyến công, chương trình nông thôn mới và các chương trình khác của các ngành, địa phương.

- Hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu CNSH hiện đại trong sản xuất sản phẩm; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu - ứng dụng, chuyển giao công nghệ, làm chủ công nghệ sản xuất các sản phẩm CNSH quy mô công nghiệp.

- Gắn kết chặt chẽ hoạt động khoa học và công nghệ với hoạt động sản xuất, kinh doanh, khuyến khích và hỗ trợ mạnh mẽ các hoạt động phổ biến, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực CNSH vào sản xuất và đời sống.

- Kết hợp chuyển giao, nhập khẩu công nghệ tiên tiến với liên kết, hợp tác đầu tư nghiên cứu trong nước để đẩy nhanh tốc độ đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh các sản phẩm có ứng dụng CNSH.

- Xác định doanh nghiệp có tiềm năng ứng dụng CNSH để tập trung hỗ trợ về khoa học công nghệ. Ứng dụng và phát triển CNSH trong các ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp dược, thực phẩm, phân bón, hóa mỹ phẩm,... để tạo ra sản phẩm mới đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Hình thành và phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực chế biến nông, lâm, thủy sản, xử lý ô nhiễm môi trường. Phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ về CNSH, hỗ trợ xây dựng, quản lý, bảo hộ về sở hữu trí tuệ, phát triển thương hiệu cho một số sản phẩm CNSH của tỉnh.

5. Mở rộng liên kết và nâng cao hiệu quả hợp tác về ứng dụng CNSH

- Tăng cường quan hệ hợp tác trong và ngoài nước để tiếp nhận các kết quả nghiên cứu về CNSH có giá trị trong sản xuất và đời sống mà tỉnh và trong nước chưa có thông qua con đường viện trợ hoặc thương mại.

- Chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về CNSH để đề xuất triển khai các hợp phần công việc phù hợp trên địa bàn tỉnh; chủ động xây dựng các chương trình, dự án CNSH để đề xuất tài trợ, hỗ trợ thông qua các chương trình hợp tác trong và ngoài nước.

- Tham gia, tổ chức các hội thảo, chợ thiết bị và công nghệ, sự kiện trình diễn và kết nối cung - cầu công nghệ nhằm giới thiệu các thành tựu trong lĩnh vực CNSH, tạo cơ hội giao lưu, hợp tác, thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hợp tác, tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài và những công nghệ sản xuất sản phẩm có lợi thế cạnh tranh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch được bảo đảm từ: Ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật; khuyến khích nguồn vốn tự đầu tư của các doanh nghiệp hoặc đầu tư theo hình thức công - tư để phát triển công nghiệp sinh học.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước, việc lập dự toán ngân sách hàng năm được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và được bố trí vào dự toán ngân sách hàng năm của các ngành và địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ngành trực thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại nội dung Kế hoạch này. Định kỳ hằng năm (trước ngày 15/12), gửi nội dung báo cáo kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện/thành phố tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch; theo dõi, kiểm tra, tổng hợp báo UBND tỉnh; báo cáo các vấn đề phát sinh và đề xuất giải pháp xử lý.

3. Sở Tài chính: Trên cơ sở Kế hoạch Tài chính - NSNN 3 năm và dự toán hàng năm của các ngành xây dựng gửi Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ (đối với nhiệm vụ liên quan), Sở Tài chính căn cứ khả năng cân đối của ngân sách

địa phương, lồng ghép các nguồn kinh phí và nguồn xã hội hóa, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai Kế hoạch theo quy định hiện hành.

4. Sở Nội vụ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan rà soát, tham mưu chính sách sử dụng và trọng dụng đối với đội ngũ cán bộ khoa học trẻ, có trình độ chuyên môn cao, nhà khoa học đầu ngành tham gia các hoạt động trong lĩnh vực CNSH.

5. Đề nghị Phân hiệu Đại học Thái Nguyên: Xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, bổ sung các bộ môn đào tạo, tập huấn kiến thức về CNSH. Đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và kỹ thuật viên về lĩnh vực CNSH có đủ tiêu chuẩn theo quy định; Tăng cường năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu chuyển giao trong lĩnh vực CNSH.

6. Các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh: Các đơn vị có nhu cầu tham gia thực hiện các nội dung, nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này, tiến hành đăng ký với các sở, ngành được phân công chủ trì xem xét, giải quyết.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh đến Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Gia Long



10/7/01

PHỤ LỤC:
NHIỆM VỤ CỤ THỂ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA UBND TỈNH
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỐ 40CT/TU NGÀY 16/5/2023 THỰC
HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 36/NQ/TW NGÀY 30/01/2023 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
(Kèm theo Kế hoạch số: 181 /KH-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Hà Giang)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN				
1	Xây dựng chuyên mục, chuyên trang, dành thời lượng thích hợp để tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các nội dung liên quan đến CNSH của tỉnh.	Sở KH&CN	Các sở, ngành, UBND các huyện/thành phố	Hàng năm	
II	NÂNG CAO VAI TRÒ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC NGÀNH, CÁC CẤP				
1	Nghiên cứu bổ sung, tích hợp nội dung phát triển và ứng dụng CNSH vào kế hoạch nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, lĩnh vực phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.	Các sở, ngành, UBND các huyện/thành phố		Hàng năm	
III	ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ SINH HỌC VÀO SẢN XUẤT				
1	Lĩnh vực nông nghiệp và PTNT				
1.1	Triển khai Đề án Khung bảo tồn nguồn gen cấp tỉnh thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh. Hàng năm rà soát, cập nhật bổ sung danh mục các nhiệm vụ đảm bảo phù hợp với thực tiễn.	Sở KH&CN	Sở NN&PTNT, Sở Y tế; UBND các huyện/thành phố	2021-2025	
1.2	Triển khai thực hiện một số nhiệm vụ theo Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển công nghiệp sinh học ngành Nông nghiệp đến năm 2030	Sở NN&PTNT	Các Sở ngành, UBND các huyện/thành phố	2021-2030	
1.3	Rà soát, quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa đối với các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của tỉnh và địa phương, tập trung đầu tư ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ tạo ra các sản phẩm nông nghiệp xanh, sạch, an toàn...	Sở NN&PTNT	Các Sở ngành, UBND các huyện/thành phố	Hàng năm	
2	Lĩnh vực Công nghiệp				
2.1	Triển khai thực hiện một số nhiệm vụ theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Phát triển công nghiệp sinh học ngành Công Thương đến năm 2030”	Sở Công thương	Các Sở ngành, UBND các huyện/thành phố	2021-2030	
2.2	Ứng dụng công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ tái tạo năng lượng, thân thiện với môi trường phục vụ sản xuất	Sở Công thương	Các Sở ngành, UBND các huyện/thành phố	Hàng năm	

			phố, các DN/HTX		
2.3	Hỗ trợ ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến, chuyển giao công nghệ, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp sinh học đến 2030 thông qua Chương trình khuyến công địa phương.	Sở Công thương	Các DN/HTX	Hàng năm	
2.4	Hỗ trợ các doanh nghiệp, địa phương nâng cao giá trị thương hiệu sản phẩm đã được bảo hộ sở hữu trí tuệ, các sản phẩm OCOP của tỉnh.	Sở KH&CN	Các Sở ngành, UBND các huyện/thành phố, các DN/HTX	Hàng năm	
3	Lĩnh vực Y – dược				
3.1	Khôi phục, phát huy giá trị các bài thuốc dân gian, gia truyền của các đồng bào dân tộc trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Sở KH&CN, Hội Đông y, Bệnh viện Y học cổ truyền	Hàng năm	
3.2	Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất các loại thực phẩm chức năng, thuốc chữa bệnh từ các loại dược liệu của Hà Giang theo tiêu chuẩn GMP.	Sở KH&CN	Sở Y tế, DN/HTX	Hàng năm	
3.3	Xây dựng trung tâm bảo tồn và phát triển cây thuốc phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.	Sở KH&CN	Sở Y tế, UBND các huyện/thành phố	2025-2030	
4	Lĩnh vực Bảo vệ môi trường				
4.1	Ứng dụng các chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải chăn nuôi tại các cơ sở chăn nuôi, rác thải sinh hoạt, rác thải tại các làng nghề.	Sở NN&PTNT	Các Sở ngành, UBND các huyện/thành phố	Hàng năm	
4.2	Ứng dụng các chế phẩm sinh học trong xử lý chất thải y tế tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Sở KH&CN	Hàng năm	
4.3	Hỗ trợ công nghệ sản xuất chế phẩm vi sinh và phân hữu cơ vi sinh từ chất thải chăn nuôi và phế phụ phẩm nông nghiệp trên cơ sở tiếp nhận công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp trong và ngoài tỉnh	Sở KH&CN	Các Sở ngành, UBND huyện Vị Xuyên	2023-2025	
IV XÂY DỰNG NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ SINH HỌC					
1	Đưa nội dung giáo dục, đào tạo về công nghệ sinh học trong các cơ sở giáo dục, các trường, trung tâm đào tạo nghề đảm bảo ứng dụng được các thành tựu công nghệ sinh học ở địa phương.	Sở GD&ĐT	Các cơ sở GD&ĐT	Hàng năm	
2	Đầu tư máy móc, thiết bị tiên tiến và từng bước hiện đại hóa phòng thí nghiệm CNSH, phòng nuôi cấy mô cho các Trung tâm KHKT của tỉnh, nhằm đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại vào	Sở KH&CN	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, các Sở liên quan, Các Trung tâm KHKT	2025-2030	Dự kiến 04 dự án cho 07 Trung tâm KHKT của tỉnh

	sản xuất và đời sống.				
3	Kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, bổ sung các bộ môn đào tạo, tập huấn kiến thức về CNSH. Đào tạo, bồi dưỡng các cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và kỹ thuật viên về lĩnh vực CNSH	Phân hiệu Đại học Thái Nguyên	Các Sở ngành, UBND các huyện /TP	2023-2024	

